

**TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 49

TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đình Lâm	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Huy An	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thiện Bảo	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên HĐQT
Ông Đỗ Quang	Ủy viên HĐQT

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thiện Bảo	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Minh Mão	Phó Tổng Giám đốc
Ông Triệu Thọ Hân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Huy Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thiện Bảo
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2012

Số: 1074 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), từ trang 4 đến trang 49. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2, Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Với việc không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số 10.2:

Trong năm 2011, căn cứ vào văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý Nhà nước về xem xét khoanh nợ, cơ cấu lại các khoản nợ của Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines), Tổng Công ty đã thực hiện ý kiến chỉ đạo giữ nguyên trạng thái nợ hiện tại (đối với Vinashin từ năm 2009 và Vinalines từ năm 2011) và không trích lập dự phòng bổ sung đối với một số công ty thuộc Vinashin và một số công ty thuộc Vinalines. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng dư nợ tín dụng Tổng Công ty đã cấp cho một số công ty thuộc Vinashin là 1.067.927.381.002 VND; dư nợ tín dụng cấp cho một số công ty thuộc Vinalines là 87.416.492 USD tương đương với 1.820.710.695.376 VND. Hiện tại, Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với Vinashin, Vinalines và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về phương án xử lý và thu hồi các khoản cho

vay này

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

DELOITTE

VIỆT NAM

Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đặng Văn Khải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02/TCTD

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt	6	8.410.087.367	2.871.108.523
II	Tiền gửi tại NHNN	7	450.896.261.928	90.423.978.669
III	Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	8	8.265.498.952.786	7.945.360.645.285
1	Tiền gửi tại các TCTD khác		6.877.058.952.786	7.945.360.645.285
2	Cho vay các TCTD khác		1.399.000.000.000	-
3	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	10.1	(10.560.000.000)	-
IV	Chứng khoán kinh doanh	11	70.699	11.945.974.944
1	Chứng khoán kinh doanh		70.699	16.462.946.441
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(4.516.971.497)
V	Cho vay và ứng trước	9	44.711.725.696.606	32.842.339.105.325
1	Cho vay	9.1	44.985.074.122.569	32.939.037.067.558
2	Ứng trước cho khách hàng	9.2	661.596.374.930	707.443.427.381
3	Dự phòng rủi ro cho vay và ứng trước cho khách hàng	10.1	(934.944.800.893)	(804.141.389.614)
VI	Chứng khoán đầu tư		4.567.792.267.996	5.033.678.647.536
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12	2.844.528.814.193	4.082.195.111.485
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12	2.030.262.797.705	1.773.809.348.428
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	12	(306.999.343.902)	(822.325.812.377)
VII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	3.124.143.930.027	3.810.174.754.945
1	Đầu tư vào công ty con	14	453.288.243.299	444.341.843.801
2	Vốn góp liên doanh	16	17.500.000.000	51.605.148.450
3	Đầu tư vào công ty liên kết	15	243.693.249.631	369.474.931.260
4	Đầu tư dài hạn khác	13	2.651.780.796.079	3.175.130.523.632
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	13	(242.118.358.982)	(230.377.692.198)
VIII	Tài sản cố định		460.982.561.435	752.129.323.413
1	Tài sản cố định hữu hình	17	398.541.561.296	560.408.482.211
a	Nguyên giá TSCĐ		506.486.261.617	648.741.452.589
b	Hao mòn TSCĐ		(107.944.700.321)	(88.332.970.378)
2	Tài sản cố định vô hình	18	62.441.000.139	191.720.841.202
a	Nguyên giá TSCĐ		65.558.960.219	207.347.235.467
b	Hao mòn TSCĐ		(3.117.960.080)	(15.626.394.265)
IX	Tài sản Có khác		27.217.333.834.708	15.763.759.476.411
1	Các khoản phải thu	19	11.918.065.396.289	10.516.514.626.100
2	Các khoản lãi, phí phải thu		2.360.056.950.417	1.061.653.960.311
3	Tài sản Có khác	20	13.596.928.541.881	4.377.112.650.010
4	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	21	(657.717.053.879)	(191.521.760.010)
TỔNG TÀI SẢN CÓ			88.806.783.663.552	66.252.683.015.051

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 49 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02/TCTD
Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Chiết khấu giấy tờ có giá với NHNN		616.561.566.272	-
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	22	23.066.753.825.903	10.429.110.950.553
1	Tiền gửi của các TCTD khác		18.781.493.489.916	2.746.848.929.000
2	Vay các TCTD khác		4.285.260.335.987	7.682.262.021.553
III	Tiền gửi của khách hàng	23	8.947.972.814.959	3.163.307.499.610
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	24	9.996.350.000	-
V	Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	25	19.837.473.200.012	26.581.195.868.100
VI	Phát hành giấy tờ có giá	26	3.539.019.904.400	6.268.191.796.000
VII	Các khoản nợ khác		25.846.052.649.066	12.959.365.137.814
1	Các khoản lãi, phí phải trả	27	1.115.324.075.753	674.485.844.409
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	27	24.708.084.723.118	12.227.192.991.597
3	Dự phòng rủi ro khác	10.1	22.643.850.195	57.686.301.808
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		81.863.830.310.612	59.401.171.252.077
VIII	Vốn và các quỹ		6.942.953.352.940	6.851.511.762.974
1	Vốn của TCTD		6.055.604.184.999	6.055.604.184.999
a	Vốn điều lệ	28	6.000.000.000.000	5.000.000.000.000
b	Thặng dư vốn cổ phần	28	55.604.184.999	1.055.604.184.999
2	Quỹ của TCTD	28	407.450.669.641	226.655.013.544
3	Lợi nhuận chưa phân phối	28	479.898.498.300	569.252.564.431
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		88.806.783.663.552	66.252.683.015.051

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
			VND	VND
I.	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		2.793.555.590.487	10.835.093.476.247
1	Bảo lãnh vay vốn		15.250.000.000	419.446.900.000
2	Bảo lãnh khác	41	2.778.305.590.487	10.415.646.576.247
H.	Các cam kết đưa ra	42	2.845.359.555.907	2.604.073.348.405



Nguyễn Thiện Bảo
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2012

Phạm Quang Huy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 49 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

